

Mẫu số 03. Báo cáo đánh giá tác động của chính sách

UBND THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP,
KHU KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-KCNKKT

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

Đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Nghị quyết quy định danh mục, tiêu chí, điều kiện và cơ chế, chính sách thu hút nhà đầu tư chiến lược thực hiện dự án hạ tầng khu công nghiệp và dự án chiến lược trong khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Đồng Nai

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Bối cảnh quốc tế, khu vực và trong nước: Thành phố Đồng Nai hiện có 89 khu công nghiệp (KCN) theo quy hoạch (44 KCN đang hoạt động với 15.183,93 ha; 45 KCN giai đoạn 2021–2030 với 28.202,17 ha), thu hút 2.813 dự án với hơn 713.000 lao động. Nhiều KCN đã vận hành trên 25–30 năm (Amata, Biên Hòa II, Loteco, Nhơn Trạch...) đang đối mặt với nguy cơ thâm dụng tài nguyên, dây chuyền công nghệ cũ. Cùng với sự vận hành của Cảng hàng không quốc tế Long Thành và mạng lưới logistics liên vùng, Thành phố cần một khung chính sách vượt trội để chuyển mạnh từ thu hút công nghiệp thâm dụng lao động sang công nghệ cao, bán dẫn, vi mạch, hàng không, kinh tế số và Net Zero 2050. Việc đưa vào khai thác Cảng hàng không quốc tế Long Thành kết hợp mạng lưới đường cao tốc, cảng biển nước sâu và đường sắt liên vùng mở ra không gian phát triển đô thị sân bay, khu kinh tế đặc biệt, trung tâm logistics hàng không tích hợp. Cơ hội này đòi hỏi phải có cơ chế đón đầu các tập đoàn hàng đầu thế giới với quy mô vốn hàng tỷ USD.

Bối cảnh pháp lý: Khung chính sách hiện nay áp dụng theo Luật Đầu tư và Nghị định số 35/2022/NĐ-CP, chưa có chính sách riêng cho "nhà đầu tư chiến lược" cấp địa phương, chưa đủ sức hấp dẫn so với các quốc gia trong khu vực (Singapore, Malaysia, Indonesia, Thái Lan) khi thu hút các dự án hàng đầu về bán dẫn, vi mạch, công nghệ hàng không, trí tuệ nhân tạo; chưa có căn cứ xác định mức ưu đãi và tiêu chí để khuyến khích các chủ đầu tư hạ tầng bỏ vốn hàng nghìn tỷ đồng nâng cấp KCN truyền thống thành KCN sinh thái, KCN dùng

chung dữ liệu, năng lượng sạch và kinh tế tuần hoàn; thiếu tiêu chí định lượng lựa chọn nhà đầu tư cạnh tranh và chưa có quy định rõ ràng về việc chấm dứt chính sách và thu hồi, buộc bồi hoàn 100% các khoản hỗ trợ ngân sách khi nhà đầu tư vi phạm tiến độ giải ngân hoặc không thực hiện cam kết công nghệ.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

Cụ thể hóa thẩm quyền được phân cấp tại khoản 12 Điều 36 Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16 nhằm ban hành 04 nhóm chính sách trọng tâm:

- Chính sách 1: Bổ sung Danh mục dự án ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược trong KCN gắn với các ngành mũi nhọn và Cảng hàng không quốc tế Long Thành.

- Chính sách 2: Quy định tiêu chí, điều kiện bổ sung và Khung tiêu chí chấm điểm cạnh tranh (thang điểm 100) khi có từ 02 nhà đầu tư cùng đăng ký.

- Chính sách 3: Quy định cơ chế hỗ trợ thuộc thẩm quyền Thành phố gắn với hạ tầng ngoài hàng rào, giải quyết thủ tục một cửa liên ngành và hỗ trợ đào tạo, đổi mới sáng tạo.

- Chính sách 4: Thiết lập cơ chế giám sát thực hiện cam kết, chấm dứt ưu đãi và buộc bồi hoàn 100% kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước khi có vi phạm.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: bổ sung danh mục dự án ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược trong KCN (Điều 5)

Danh mục tại khoản 1 Điều 36 Luật Phát triển đô thị mới chỉ mang tính bao quát khung quốc gia. Nếu không có danh mục bổ sung chi tiết và quy mô vốn cụ thể cho hạ tầng KCN sinh thái, công nghiệp hàng không, bán dẫn, logistics hàng không gắn chặt với thể mạnh sân bay Long Thành, Thành phố sẽ thiếu căn cứ pháp lý để áp dụng cơ chế nhà đầu tư chiến lược.

Mục tiêu chính sách là bổ sung danh mục các dự án có tính chất lan tỏa cao, quy định ngưỡng vốn đầu tư tối thiểu để chọn lọc nhà đầu tư có năng lực thực sự:

- Hạ tầng KCN: KCN sinh thái, công nghệ cao, thông minh (vốn từ 5.000 tỷ đồng); KCN kết nối Sân bay Long Thành, cao tốc, cảng biển (vốn từ 5.000 tỷ đồng); Cải tạo, tái cấu trúc KCN hiện hữu (vốn bổ sung từ 3.000 tỷ đồng); Hạ tầng dùng chung về năng lượng sạch, lưới điện thông minh, nước tuần hoàn, trung tâm dữ liệu KCN (vốn từ 2.000 tỷ đồng).

- Dự án chiến lược trong KCN: Công nghiệp phụ trợ, bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định hàng không (MRO) gắn với Sân bay Long Thành (từ 6.000 tỷ đồng); Bán dẫn, vi mạch, điện tử công nghệ cao, robot, thiết bị y tế cao cấp, công nghệ

sinh học (từ 6.000 tỷ đồng); Trung tâm dữ liệu lớn, điện toán đám mây, AI công nghiệp (từ 3.000 tỷ đồng); Trung tâm logistics hàng không, cảng cạn tích hợp (từ 3.000 tỷ đồng); Dự án chế biến, chế tạo tiên tiến quy mô lớn dẫn dắt chuỗi cung ứng (từ 10.000 tỷ đồng).

1.1. Đánh giá tác động

a) Phương án 1A: Không quy định Danh mục bổ sung, chỉ áp dụng danh mục chung tại khoản 1 Điều 36 Luật Phát triển đô thị.

- Tác động kinh tế: Bỏ lỡ cơ hội thu hút dòng vốn chuyển dịch toàn cầu. Quỹ đất 1.412 ha còn lại dễ bị lấp đầy bởi các dự án sản xuất thông thường, giá trị gia tăng trên 1 ha đất thấp.

- Tác động xã hội và môi trường: Nguy cơ gia tăng ô nhiễm từ 203 cơ sở hiện hữu; áp lực dân số cơ học và quá tải hạ tầng đô thị gia tăng

- Tác động đến hệ thống pháp luật và tính khả thi: Không tạo thủ tục hành chính mới ở cấp Nghị quyết; các thủ tục chuyên ngành

b) Phương án 1B: Quy định Danh mục bổ sung gồm 04 nhóm dự án hạ tầng KCN và 05 nhóm dự án thứ cấp chiến lược với quy chuẩn mức vốn từ 2.000 đến 10.000 tỷ đồng tại Điều 5 dự thảo Nghị quyết.

- Tác động kinh tế: Tạo cú hích thu hút dòng vốn đầu tư quy mô lớn ước tính hàng trăm nghìn tỷ đồng. Tăng mạnh nguồn thu ngân sách từ thuế doanh nghiệp, dịch vụ kỹ thuật logistics hàng không; hình thành hệ sinh thái công nghiệp bán dẫn và chuỗi phụ trợ quy mô vùng.

- Tác động xã hội và môi trường: Thúc đẩy tái cấu trúc các KCN cũ sang KCN xanh, sinh thái; giảm phát thải khí nhà kính (Net Zero 2050); chuyển đổi cơ cấu lao động từ phổ thông sang lao động kỹ thuật cao có thu nhập tốt hơn

- Tác động đến hệ thống pháp luật và tính khả thi: thể chế hóa trực tiếp Nghị quyết 16-NQ/TW của Bộ Chính trị và khoản 12 Điều 36 Luật Phát triển đô thị. Mức vốn quy định hoàn toàn tương thích và không làm giảm tiêu chuẩn của luật cấp trên.

1.2. Phương án tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn:

Lựa chọn Phương án 1B. Phương án này khai thác tối đa lợi thế cạnh tranh chiến lược của địa phương; thúc đẩy nâng cao giá trị gia tăng và hiệu quả sử dụng đất; giải quyết bài toán cấp bách về môi trường và tái cấu trúc KCN.

2. Chính sách 2: Thiết lập tiêu chí, điều kiện bổ sung và Khung tiêu chí chấm điểm cạnh tranh thang điểm 100 (Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Phụ lục)

Khi nhiều nhà đầu tư cùng đề xuất tại một vị trí đất công nghiệp kết nối hạ tầng tốt, nếu chỉ dựa vào hồ sơ tài chính thông thường sẽ không phân loại được

nhà đầu tư có công nghệ lõi và chuỗi cung ứng thực chất. Cần có bộ tiêu chí định lượng minh bạch để lựa chọn cạnh tranh. Mục tiêu chính sách là Quy định tiêu chí bổ sung chặt chẽ (kinh nghiệm của công ty mẹ/tập đoàn, quản trị KCN số, phương án duy trì quyền lợi doanh nghiệp hiện hữu khi tái cấu trúc KCN, tỷ lệ đầu tư cho R&D); thiết lập Khung tiêu chí chấm điểm 100 điểm khi có từ 02 nhà đầu tư trở lên cùng đáp ứng điều kiện.

2.1. Đánh giá tác động

a) Phương án 2A: Lựa chọn theo quy trình xét duyệt hồ sơ thông thường, ưu tiên nhà đầu tư nào đăng ký quy mô vốn lớn hơn hoặc nộp hồ sơ trước.

- Tác động kinh tế & hiệu quả đầu tư: Dễ chọn nhầm nhà đầu tư có vốn đăng ký ảo nhưng năng lực triển khai kém, gây lãng phí quỹ đất công nghiệp sạch.

- Tác động về thủ tục hành chính và phòng ngừa tiêu cực: Không phát sinh thủ tục hành chính mới do vận dụng quy trình xét duyệt thông thường; tuy nhiên, do thiếu vắng bộ tiêu chí định lượng minh bạch nên việc thẩm định hồ sơ chủ yếu dựa trên đánh giá định tính của cơ quan tham mưu. Điều này dễ làm phát sinh cơ chế “xin – cho”, tăng nguy cơ can thiệp chủ quan, thiếu công bằng giữa các nhà đầu tư và tiềm ẩn rủi ro khiếu kiện, tranh chấp kéo dài khi có nhiều nhà đầu tư cùng đề xuất tại một vị trí đất công nghiệp.

- Tính tương thích với các điều ước quốc tế: Tiêu chuẩn đánh giá chưa rõ ràng và thiếu định lượng có thể dẫn đến việc áp dụng các điều kiện chủ quan trong quá trình lựa chọn, dễ phát sinh rủi ro khiếu kiện đầu tư quốc tế.

b) Phương án 2B: Áp dụng Khung tiêu chí chấm điểm định lượng 100 điểm gồm 06 nhóm tiêu chí khoa học (Năng lực tài chính & huy động vốn: 25 điểm; Kinh nghiệm và năng lực triển khai dự án: 20 điểm; Công nghệ, R&D, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: 20 điểm; Hiệu quả sử dụng đất, năng lượng, tài nguyên và môi trường: 15 điểm; Mức độ liên kết với động lực phát triển Long Thành, logistics, chuỗi giá trị toàn cầu: 10 điểm; Tiến độ triển khai, phát triển nhân lực và đóng góp hạ tầng - xã hội: 10 điểm).

- Tác động kinh tế & hiệu quả đầu tư: Sàng lọc chính xác nhà đầu tư có tiềm lực thật, sở hữu công nghệ cao và kinh nghiệm vận hành KCN quy mô lớn. Phân bổ 20 điểm cho R&D và 15 điểm cho môi trường tạo động lực buộc doanh nghiệp phải đầu tư thiết bị tiên tiến nhất.

- Tác động về thủ tục hành chính và phòng ngừa tiêu cực: công khai hóa toàn bộ tiêu chí, lượng hóa bằng tài liệu kiểm chứng hợp pháp, triệt tiêu cơ chế "xin - cho" và loại bỏ sự tùy nghi trong đánh giá của cơ quan nhà nước.

- Tính tương thích với các điều ước quốc tế: quy định rõ việc liên kết chuỗi

với doanh nghiệp trong nước là tự nguyện, không áp đặt tỷ lệ nội địa hóa bắt buộc hay ép buộc chuyển giao công nghệ, bảo đảm tương thích hoàn toàn với Hiệp định WTO, EVFTA và CPTPP

2.2. Phương án tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn:

Lựa chọn Phương án 2B. Phương án này Khắc phục triệt để hạn chế của Phương án 2A (dễ chọn nhầm nhà đầu tư đăng ký vốn lớn nhưng thiếu năng lực thực chất hoặc chậm giải ngân); Khung 100 điểm định lượng rõ ràng phòng ngừa tiêu cực, khiếu nại; Tạo động lực kết nối trực tiếp với chuỗi logistics, hàng không và cảng biển của địa phương; phù hợp điều ước quốc tế.

3. Chính sách 3: Cơ chế ưu đãi, hỗ trợ thuộc thẩm quyền Thành phố gắn với hạ tầng ngoài hàng rào và cải cách thủ tục (Điều 9)

Các tập đoàn đa quốc gia khi đầu tư dự án hàng nghìn tỷ đồng luôn đòi hỏi tính đồng bộ về hạ tầng giao thông kết nối, hệ thống cấp điện - nước ổn định ngoài hàng rào KCN và thủ tục hành chính nhanh gọn. Cần quy định rõ thẩm quyền hỗ trợ của Thành phố, đồng thời giữ vững kỷ luật tài chính ngân sách. Mục tiêu chính sách là quy định 04 nhóm chính sách hỗ trợ thiết thực thuộc thẩm quyền Thành phố:

- Thiết lập cơ chế đầu mối một cửa liên ngành rút ngắn thời gian xử lý thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, hải quan.
- Ưu tiên nguồn vốn đầu tư công để phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội ngoài hàng rào KCN.
- Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, hỗ trợ hoạt động R&D và chuyển đổi xanh, chuyển đổi số.
- Xác lập nguyên tắc tài chính: Tuyệt đối không dùng ngân sách để chi thay nghĩa vụ tài chính hoặc khắc phục sai phạm của doanh nghiệp.

3.1. Đánh giá tác động

a) Phương án 3A: Nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm đầu tư kết nối hạ tầng ngoài hàng rào và tự làm việc với từng sở ngành riêng lẻ theo cơ chế hiện hành.

- Tác động đối với nhà đầu tư và môi trường kinh doanh: Kéo dài thời gian hoàn thành dự án từ 1 đến 2 năm do chờ đợi hạ tầng kết nối ngoài hàng rào, làm giảm sức hấp dẫn của địa phương.

- Tác động đối với ngân sách Nhà nước: Ngân sách Thành phố trước mắt không phải bố trí vốn đầu tư công cho các công trình hạ tầng ngoài hàng rào; tuy nhiên, về lâu dài sẽ bị thất thu lớn các nguồn thu thuế tiềm năng (thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng) do không thu hút được các dự án quy mô lớn hoặc tiến độ dự án bị chậm trễ. Đồng thời, hạ tầng do các

nhà đầu tư tự triển khai riêng lẻ dễ dẫn đến gây lãng phí nguồn lực xã hội và Nhà nước sau này phải tốn nhiều chi phí hơn để chỉnh trang, kết nối đồng bộ.

- Tác động đối với bộ máy nhà nước: Bộ máy hành chính xử lý hồ sơ phân tán, thụ động; các sở, ngành tiếp nhận và giải quyết thủ tục theo quy trình đơn lẻ, thiếu tiếng nói chung và cơ chế điều phối đầu mối, dễ phát sinh đùn đẩy trách nhiệm, làm tăng gánh nặng giải quyết thủ tục hành chính và tăng nguy cơ khiếu nại của doanh nghiệp.

b) Phương án 3B: Thành phố chủ động bố trí vốn đầu tư công xây dựng hạ tầng ngoài hàng rào KCN; giao Ban Quản lý làm đầu mối hỗ trợ một cửa liên ngành; hỗ trợ đào tạo nhân lực theo chương trình mục tiêu.

- Tác động đối với nhà đầu tư và môi trường kinh doanh: Rút ngắn thời gian chuẩn bị và thi công dự án từ 30% đến 50%, giảm đáng kể chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

- Tác động đối với ngân sách Nhà nước: Nguồn vốn ngân sách chỉ chi cho các công trình hạ tầng công cộng ngoài hàng rào (đường giao thông kết nối, tuyến cấp điện, cấp nước, nhà ở xã hội). Các công trình này thuộc sở hữu nhà nước, gia tăng giá trị tài sản công và phục vụ phát triển kinh tế toàn vùng. Quy định nghiêm cấm chi thay nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp giúp bảo vệ an toàn nguồn lực ngân sách.

- Tác động đối với bộ máy nhà nước: Nâng cao hiệu quả phối hợp liên ngành giữa Ban Quản lý với Sở Tài chính, Sở Xây dựng, cơ quan quản lý đất đai và môi trường.

3.2. Phương án tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn:

Lựa chọn Phương án 3B. Phương án này tạo sức hút cạnh tranh vượt trội đối với nhà đầu tư chiến lược; Nguồn vốn ngân sách chỉ ra được chuyển hóa thành các công trình hạ tầng dùng chung (giao thông, điện, nước, hạ tầng số, thiết chế xã hội) thuộc sở hữu nhà nước, vừa phục vụ dự án chiến lược, vừa nâng cấp diện mạo đô thị và thúc đẩy phát triển kinh tế toàn vùng. Tối ưu hóa mô hình “một cửa liên thông” với Ban Quản lý là cơ quan đầu mối, giúp nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành của UBND Thành phố và tăng cường phối hợp thực chất giữa các sở, ngành chuyên môn.

4. Chính sách 4: Ràng buộc nghĩa vụ cam kết, cơ chế giám sát và chế tài bồi hoàn 100% kinh phí hỗ trợ từ ngân sách (Điều 10, Điều 11)

Thực tế có tình trạng doanh nghiệp đăng ký dự án quy mô lớn để hưởng chính sách ưu đãi nhưng sau đó chậm tiến độ giải ngân, không đầu tư công nghệ tiên tiến hoặc không duy trì hạ tầng xanh như cam kết. Pháp luật hiện nay thiếu chế tài địa phương đủ mạnh để thu hồi các hỗ trợ tài chính đã cấp. Mục tiêu

chính sách là ràng buộc pháp lý giữa quyền lợi và nghĩa vụ; quy định dứt khoát: nếu vi phạm cam kết hoặc không bảo đảm điều kiện thì chấm dứt ngay ưu đãi và buộc bồi hoàn 100% các khoản hỗ trợ bằng tiền hoặc lợi ích vật chất đã nhận từ ngân sách Thành phố.

4.1. Đánh giá tác động

a) Phương án 4A: Áp dụng biện pháp xử phạt vi phạm hành chính về đầu tư theo quy định chung, không quy định chế tài bồi hoàn ngân sách địa phương.

- Tác động tài chính công: Nguy cơ thất thoát ngân sách khi nhà đầu tư hưởng các gói hỗ trợ nhưng không thực hiện cam kết.

- Tác động đối với nhà đầu tư: Mức chế tài xử phạt vi phạm hành chính hiện hành nhìn chung còn thấp so với quy mô vốn và giá trị ưu đãi của dự án chiến lược, không tạo đủ áp lực để nhà đầu tư quyết liệt giải ngân đúng tiến độ hoặc nghiêm túc thực hiện cam kết về công nghệ cao, R&D và môi trường. Điều này dễ nảy sinh tâm lý ỷ lại, lợi dụng chính sách hoặc kéo dài thời gian đầu tư để chuyển nhượng dự án kiếm lời.

- Tác động đến ổn định pháp lý: Mặc dù áp dụng khung xử lý chung nhưng không giải quyết được tranh chấp giữa mục tiêu thu hút đầu tư của chính quyền địa phương và kết quả đầu ra thực tế của dự án; thiếu căn cứ pháp lý rõ ràng để địa phương xử lý dứt điểm các vướng mắc kéo dài, gây bị động cho cơ quan thanh tra, kiểm tra.

b) Phương án 4B: Quy định cơ chế chấm dứt ưu đãi, thu hồi ưu đãi đất đai/thuế theo pháp luật chuyên ngành và buộc bồi hoàn 100% kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Thành phố; đồng thời quy định bảo đảm an toàn pháp lý: không tự động chấm dứt toàn bộ dự án nếu vi phạm chỉ tiêu chấm điểm không mang tính điều kiện bắt buộc duy trì.

- Tác động tài chính công: Bảo toàn 100% nguồn lực ngân sách Thành phố; khắc phục triệt để nguy cơ thất thoát vốn ngân sách khi nhà đầu tư không còn đủ điều kiện hưởng chính sách. Thiết lập cơ sở pháp lý vững chắc, minh bạch để cơ quan thuế, tài chính thu hồi kịp thời các khoản tiền hỗ trợ, tiền sử dụng đất, ưu đãi thuế và các khoản tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật.

- Tác động đối với nhà đầu tư: Nâng cao tính kỷ luật, buộc nhà đầu tư chiến lược phải xây dựng phương án tài chính và kế hoạch giải ngân khả thi. Quy định loại trừ trường hợp bất khả kháng hoặc nguyên nhân khách quan được cấp có thẩm quyền chấp thuận giúp nhà đầu tư yên tâm trước các biến động thị trường toàn cầu

- Tác động đến ổn định pháp lý: Tránh việc tùy tiện thu hồi dự án khi chưa đủ căn cứ pháp lý, hạn chế tối đa nguy cơ khiếu nại, tranh chấp đầu tư quốc tế

4.2. Phương án tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn:

Lựa chọn Phương án 4B. Phương án này bảo vệ tuyệt đối nguồn lực ngân sách nhà nước, nâng cao tính tự giác và trách nhiệm giải trình của nhà đầu tư, đảm bảo an toàn pháp lý, hài hòa lợi ích giữa Nhà nước và doanh nghiệp

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Hệ thống 04 nhóm chính sách trong dự thảo Nghị quyết được xây dựng bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất cao với Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16 và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Việc lựa chọn các phương án chính sách đột phá kết hợp kiểm soát chặt chẽ kỷ luật tài chính sẽ tạo động lực tăng trưởng mới vượt trội cho thành phố Đồng Nai, đưa hệ thống KCN của Thành phố bước vào kỷ nguyên công nghệ cao, kinh tế số và phát triển bền vững.

Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế thành phố Đồng Nai kính trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, thông qua Báo cáo đánh giá tác động chính sách để hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân Thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, QLĐT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Phạm Việt Phương